

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH N ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do- Hạnh P

Bản án số: 61/2023/HSST

Ngày 06 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hình

Bà Phạm Hồng Minh

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Minh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện N

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Ông Lê Duy Khôi – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N Định mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HS ngày 24/11/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn Đ**, sinh năm: 1991; nơi thường trú: Tổ dân phố số 9, thị trấn N, huyện N, tỉnh N Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt N; tôn giáo: Không; con ông Đ, sinh năm 1957; con bà Đoàn Thị X, sinh năm 1958; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư; vợ: Đoàn Thị P, sinh năm 1993; có 01 con, sinh năm 2014;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 19/5/2022, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 24 tháng cải tạo không giam giữ (được khấu trừ 18 ngày cải tạo không giam giữ), về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: ngày 23/7/2015, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ, về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/9/2023, đến ngày 08/10/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1977; nơi thường trú: Tổ dân phố số 9, thị trấn N, huyện N, tỉnh N Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt N; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T

(đã chết); con bà Trần Thị H, sinh năm 1958; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Đoàn Thị T, sinh năm 1982; có 03 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2007;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: ngày 23/7/2015, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/9/2023, đến ngày 08/10/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N.

3. Họ và tên: Trần Văn P, sinh năm: 1973; nơi thường trú: Tổ dân phố số 9, thị trấn N, huyện N, tỉnh N Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt N; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn D (đã chết); con bà Phạm Thị B (đã chết); gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ năm; vợ: Triệu Thị H, sinh năm 1978; có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007;

Tiền án: không;

Tiền sự: ngày 28/6/2022, bị Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 6.500.000 đồng, về hành vi “Cố ý gây thương tích” (Đã nộp tiền phạt 17/11/2023).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/9/2023, đến ngày 08/10/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

4. Họ và tên: Vũ Thị N, sinh năm: 1983; nơi thường trú: Tổ dân phố số 11, thị trấn N, huyện N, tỉnh N Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt N; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn T (đã chết); con bà Trần Thị L (đã chết); gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; chồng: Đỗ Văn T, sinh năm 1979; có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2022;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị can bị tạm giữ từ ngày 30/9/2023, đến ngày 08/10/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ và tên: Trịnh Văn T, sinh năm: 1975; nơi thường trú: Tổ dân phố số 9, thị trấn N, huyện N, tỉnh N Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt N; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Xuân H (đã chết); con bà Phạm Thị T, sinh năm 1951; gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ ba; vợ: Phạm Thị N, sinh năm 1975; có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2005;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị can bị tạm giữ từ ngày 30/9/2023, đến ngày 08/10/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Họ và tên: Vũ Thị N, sinh năm: 1972; nơi thường trú: Tổ dân phố số 9, thị trấn N, huyện N, tỉnh N Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn:

12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt N; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn T, sinh năm 1935; con bà Vũ Thị C, sinh năm 1940; gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ ba; chồng: Vũ Duy B, sinh năm 1964; có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2003;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/9/2023, đến ngày 08/10/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Tại phiên tòa các bị cáo Đ, T, P, T và N đều có mặt; bị cáo N vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu giờ chiều ngày 29/9/2023, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T và Trần Văn P đến nhà Vũ Thị N cùng trú tại tổ dân phố số 9, thị trấn N chơi. Sau khi ngồi chơi đến 14 giờ cùng ngày thì Đ, T, P rủ nhau đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi “3 cây” tại phòng khách của nhà N, N đồng ý cho Đ, T, P đánh bạc, đồng thời N đi mua 01 bộ bài về để Đ, T, P đánh bạc. Sau đó có Vũ Thị N và Trịnh Văn T đến nhà N chơi và tham gia đánh bạc cùng Đ, T và P. Quá trình Đ, T, P, N và T đánh bạc thì có Đoàn Thị H, Trịnh Thị Hà K, Phạm Thị N, Đoàn Văn H, Đoàn Thị P, Đỗ Văn N, cùng trú tại tổ 9, thị trấn N, huyện N; Trịnh Thị N, trú tại 47/2/79 Chợ Con, phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và Vũ Thị N ngồi uống nước và xem. Đ, T, P, N và T đánh bạc đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện N phát hiện bắt quả tang. Công an huyện N đã T hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng, gồm:

+ Thu tại giữa chiếu bạc 01 bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 quân; trong túi quần của Vũ Thị N số tiền 1.020.000 đồng; trong túi quần của Trịnh Văn T số tiền 115.000 đồng; trong túi quần của Trần Văn P số tiền 705.000 đồng; trong túi quần của Trần Văn Đ số tiền 1.870.000 đồng; trong túi quần của Nguyễn Văn T số tiền 740.000 đồng và trong người số tiền 300.000 đồng;

+ Thu giữ trên bồn gội đầu ở vị trí phía sau Vũ Thị N ngồi số tiền 350.000 đồng; dưới gầm giường gần vị trí Trịnh Văn T số tiền 260.000 đồng; gần vị trí cửa ra vào số tiền 100.000 đồng; trên mặt kệ, dưới bình nước uống, cạnh cửa ra vào số tiền 950.000 đồng;

+ Thu giữ trong người của Đoàn Thị P số tiền 2.260.000 đồng; trong người của Trịnh Thị Hà Khanh số tiền 2.000.000 đồng; dưới chiếu dưới vị trí ngồi của Vũ Thị N số tiền 2.912.000 đồng; trong người Phạm Thị N số tiền 45.000 đồng; trong người Đoàn Văn H số tiền 407.000 đồng; trong người Đoàn Văn N số tiền 1.227.000 đồng và trong ví số tiền 4.190.000 đồng; trong người của Trịnh Thị Ngọc số tiền 14.900.000 đồng.

Tổng số tiền đã thu giữ là: 34.351.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã chứng minh và xác định tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 5.460.000 đồng,

trong đó: Trần Văn Đ là 2.320.000 đồng (gồm 1.870.000 đồng trong người, 350.000 đồng Đ vút vào bồn gội đầu phía sau N và 100.000 đồng Đ vút ra phía cửa ra vào), Nguyễn Văn T là 1.040.000 đồng, Trần Văn P là 705.000 đồng, Vũ Thị N là 1.280.000 đồng (gồm 1.020.000 đồng trong người và 260.000 đồng N vút ra phía sau chỗ ngồi của T), Trịnh Văn T là 115.000 đồng. Tổng số tiền là 5.460.000 đồng.

Đối với số tiền đã thu giữ trong vụ án còn lại là 28.891.000 đồng, xác định đây không phải là số tiền liên quan đến việc đánh bạc. Quá trình điều tra xác nhận đây là tài sản của những người ngồi chơi uống nước tại nhà bị cáo N nên cơ quan điều tra đã trả lại cho Đoàn Thị Hiền 950.000 đồng, Trịnh Thị Hà Khanh 2.000.000 đồng, Phạm Thị N 45.000 đồng, Đoàn Văn H 407.000 đồng, Đoàn Thị P 2.260.000 đồng, Đỗ Văn N 5.417.000 đồng và Trịnh Thị Ngọc 14.900.000 đồng với tổng số tiền 25.979.000 đồng.

Riêng đối với số tiền 2.912.000 đồng thu giữ của bị cáo N không dùng vào mục đích đánh bạc ăn tiền nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về hình thức và mức độ chơi “3 cây” xác định như sau:

Người chơi sử dụng bộ bài tứ lơ khơ 52 quân bài có một mặt in hoa văn các quân bài giống nhau, mặt còn lại in các hình cơ, rô, tép, bích (gọi là chất) và các số hoặc chữ, sau đó người chơi bỏ đi 16 quân bài được in số 10, các chữ J, Q, K và sử dụng 36 quân bài còn lại gồm các quân bài in chữ A và các số tự nhiên từ 2 đến 9. Người chơi quy ước quân bài A là 1 điểm, các quân bài còn lại tương ứng với số điểm in trên quân bài. Quy định mỗi ván, người cầm cái chia cho người chơi 03 quân bài, sau đó người cầm cái và người chơi sẽ so sánh bài để xác định thắng thua, thứ tự ưu tiên để xác định thắng thua từ cao xuống thấp là: có 03 quân bài giống nhau về số hoặc chữ gọi là “sáp” (được nhân 3 số tiền mà người chơi đặt cược), sau đó đến tính tổng điểm 03 quân bài rồi lấy số ở hàng đơn vị của tổng để so sánh với nhau, quy ước số điểm từ cao đến thấp là: 0 (được nhân 2 số tiền mà người chơi đặt cược), 9, 8, 7...2 (được nhân 1 số tiền mà người chơi đặt cược), nếu bằng điểm sẽ so sánh chất từ cao đến thấp là: cơ, rô, tép, bích và cuối cùng là so sánh quân bài từ cao đến thấp là: A, 9, 8...2. Việc xác định thắng thua và trả tiền được thực hiện giữa người cầm cái và người chơi. Khi bắt đầu chơi, mỗi người chơi đặt cửa chơi từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng với người cầm cái, nếu có ai được 0 điểm cao nhất thì người đó sẽ cầm cái ván tiếp theo

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên

Bản cáo trạng số: 60/CT-VKS ngày 14/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N Định truy tố các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T, Trần Văn P, Vũ Thị N, Trịnh Văn T và Vũ Thị N về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình;

Bị cáo N có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị cáo có quan điểm giữ nguyên lời trình bày tại cơ quan điều tra và đề nghị Tòa án cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T, Trần Văn P, Vũ Thị N, Trịnh Văn T và Vũ Thị N phạm tội: “Đánh bạc”.

a. Về trách nhiệm hình sự:

* Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Trần Văn Đ từ 07 tháng đến 10 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo Trần Văn Đ đang chấp hành bản án số 25 ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N Định với mức án là 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, được khấu trừ 18 ngày cải tạo không giam giữ (bị cáo đã bị tạm giữ 06 ngày, qui đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ) và bị cáo đã chấp hành án từ ngày 13/7/2022 tính đến ngày phạm tội lần này ngày 29/9/2023 thì bị cáo đã chấp hành được tổng số 15 tháng 04 ngày cải tạo không giam giữ, còn lại bị cáo chưa chấp hành là 08 tháng 26 ngày cải tạo không giam giữ, được qui đổi bằng 02 tháng 28 ngày tù. Căn cứ khoản 2 Điều 56 và điểm b khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự đề tổng hợp hình phạt của 02 bản án theo quy định.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Do bị cáo T đang bị tạm giam, áp dụng khoản 3 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX trả tự do cho bị cáo T tại phiên tòa.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Trần Văn P từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

- Bị cáo Vũ Thị N từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

- Bị cáo Trịnh Văn T từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

- Bị cáo Vũ Thị N từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, lao động tự do thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập.

b. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tứ lơ gồm 52 quân bài, mỗi quân bài đều có một mặt in hoa văn màu xanh và một mặt in hình quân bài.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 5.460.000 đồng.

+ Trả lại cho bị cáo Vũ Thị N số tiền 2.912.000 đồng, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ số tiền để đảm bảo thi hành án dân sự.

c. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc tất cả các bị cáo, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Đ, T, P, T và N đều không có tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, có hoàn cảnh khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và miễn hình phạt bổ sung cho cáo bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Vũ Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt, phù hợp với quy định tại Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử vẫn T hành xét xử.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét về hành vi của các bị cáo thấy rằng: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai của người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 15 giờ 30 phút ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại phòng khách nhà ở của Vũ Thị N thuộc tổ dân phố số 9, thị trấn N, huyện N, tỉnh N Định, N đã đồng ý và chuẩn bị 01 bộ bài (tứ lơ khơ 52 quân) để các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T, Trần Văn P, Vũ Thị N và Trịnh Văn T cùng nhau đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi “3 cây” ăn tiền, bị công an huyện N, tỉnh N Định phát hiện bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 5.460.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa P, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, là nguyên nhân phát sinh hàng loạt các loại tội phạm khác. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Đối với bị cáo Đ và T đã bị đưa ra xét xử về tội “Đánh bạc”, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, đề tu dưỡng bản thân trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Hành vi của các bị cáo là

thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có hoàn cảnh gia đình khó khăn (đơn đề nghị của các bị cáo đều có xác nhận của chính quyền địa P) nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo P, N, T và N đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, P, N, T và N đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Đối với bị cáo Đ đã bị kết án, chưa được xóa án tích, nay phạm tội với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội đánh bạc có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó Trần Văn Đ là người đã phạm tội “Đánh bạc”, đang chấp hành án nay tiếp tục phạm tội và tham gia đánh bạc từ đầu nên giữ vai trò thứ nhất; bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Văn P là những người tham gia đánh bạc từ đầu nên giữ vai trò thứ hai, các bị cáo Vũ Thị N và Trịnh Văn T giữ vai trò đồng phạm thực hiện và Vũ Thị N tự nguyện đi mua bài cho các bị cáo trên đánh bạc trái phép nên giữ vai trò đồng phạm giúp sức.

[7] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

+ Đối với bị cáo Trần Văn Đ là người đang chấp hành bản án số: 25/2022/HS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N Định về tội “Đánh bạc”, với mức án là 24 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 18 ngày cải tạo không giam giữ (bị cáo đã bị tạm giữ 06 ngày, qui đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ) và bị cáo đã chấp hành án từ ngày 13/7/2022 tính đến ngày phạm tội lần này ngày 29/9/2023 thì bị cáo đã chấp hành được tổng số 15 tháng 04 ngày cải tạo không giam giữ, còn lại bị cáo chưa chấp hành là 08 tháng 26 ngày cải tạo không giam giữ, được qui đổi bằng 02 tháng 28 ngày tù; do vậy căn cứ điểm b khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự, để tổng hợp hình phạt của 02 bản án, và áp dụng hình phạt nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục, cải tạo riêng và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết quy định tại Điều 51 BLHS, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là phù hợp

+ Đối với Nguyễn Văn T, Trần Văn P, Trịnh Văn T, Vũ Thị N, Vũ Thị N có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, cơ ngơi cư trú rõ ràng. Do vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi cộng đồng, mà để các bị cáo cải tạo tại địa P dưới sự giám sát của chính quyền là

phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Do bị cáo Nguyễn Văn T đang bị tạm giam, nên cần tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa theo quy định tại khoản 3 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện không lớn, các bị cáo đều lao động tự do, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập thấp không ổn định nên miễn phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 8.372.000 đồng thu giữ trong vụ án, trong đó có 5.460.000 đồng là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trái phép nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước; số tiền còn lại 2.912.000 đồng là của bị cáo N, quá trình điều tra xác định số tiền này bị cáo không dùng vào mục đích đánh bạc trái phép, nên tuyên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án, theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T, Trần Văn P, Vũ Thị N, Trịnh Văn T và Vũ Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Trần Văn Đ 07 (bảy) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với 02 tháng 28 ngày tù tại bản án hình sự số: 25/2022/HS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N Định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 09 (chín) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/9/2023.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn T 18 tháng cải tạo không giam giữ được khấu trừ đi 06 tháng 24 ngày (bị cáo đã bị tạm giữ 02 tháng 08 ngày trước khi xét xử sơ thẩm quy đổi bằng 06 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo T còn phải chấp hành 11 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ

ngày Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh N Định nhận được Quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Áp dụng khoản 3 Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tuyên trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

4.1. Bị cáo Trần Văn P 18 tháng cải tạo không giam giữ được khấu trừ đi 27 ngày (bị cáo đã bị tạm giữ 9 ngày trước khi xét xử sơ thẩm quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo P còn phải chấp hành 17 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh N Định nhận được Quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

4.2. Phạt bị cáo Vũ Thị N 12 tháng cải tạo không giam giữ;

4.3. Phạt bị cáo Trịnh Văn T 12 tháng cải tạo không giam giữ;

4.4. Phạt bị cáo Vũ Thị N 12 tháng cải tạo không giam giữ;

Các bị cáo N, T và N đều được khấu trừ đi 27 ngày (bị cáo đã bị tạm giữ 9 ngày trước khi xét xử sơ thẩm quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Các bị cáo N, T và N còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh N Định nhận được Quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo N, T và N.

Giao các bị cáo T, P, N, T và N cho UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh N Định giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

5. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 5.460.000 đồng do các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc; Tuyên trả cho bị cáo Vũ Thị N số tiền 2.912.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án; Tịch thu cho tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ (theo biên bản giao nhận vật chứng và ủy nhiệm chi ngày 15/11/2023 giữa cơ quan Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T, Trần Văn P, Vũ Thị N, Trịnh Văn T và Vũ Thị N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T, Trần Văn P, Trịnh Văn T và Vũ Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Vũ Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Toà án nhân dân tỉnh N Định;
- VKS nhân dân huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND thị trấn N;
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Thị Ánh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hình

Phạm Hồng Minh

Nguyễn Thị Ánh

